LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

Xếp các từ cho dưới đây thành những nhóm từ đồng nghĩa:

1	bao la	Từ ngữ khác
2	long lanh	Từ ngữ khác
3	vắng vẻ	Từ ngữ khác

bao la | vắng vẻ | long lanh | mênh mông | vắng ngắt | lấp loáng | hiu hắt

lung linh | hiu quạnh | lóng lánh | vắng teo | bát ngát | lấp lánh | thênh thang

LIVEWORKSHEETS